

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 40/2021/HS-ST

Ngày 27-05-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2021/TLST- HS ngày 27 tháng 04 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 05 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Vy Văn B (Tên gọi khác: Không); sinh năm 2000 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm H, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Văn H1 và bà Vũ Thị L. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Đỗ Văn H, (tên gọi khác: Đỗ Văn H2); sinh ngày 09 tháng 7 năm 2002 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn M và bà Mai Thị N. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn :Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn H:* Ông Phạm Văn S1 - Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình; vắng mặt. Ông S1 Gửi bài bào chữa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị S– sinh năm 1960; trú tại: Khố 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ *Chị Lê Thị H3* – sinh năm 1964; trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1970; trú tại: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Phạm Văn Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 01/11/2020, Vy Văn B cùng với Trần Văn H4 và Nguyễn Thị H5 chơi game tại quán Internet nhà anh Phạm Văn B ở khối 8, thị trấn B. Do không có tiền tiêu xài nên H4 bàn bạc với B đi trộm cắp bia ở các cửa hàng tạp hóa bán lấy tiền. B liên lạc qua Facebook với Đỗ Văn H rủ mang xe làm phương tiện đi trộm cắp thì H đồng ý. Cả 03 bàn bạc với nhau là H chở H4 đi trộm cắp còn B ở quán ngồi đợi. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki BKS 35F2 – 4247 chở H4 đến khu vực gần Ngân hàng nông nghiệp khu vực B thuộc khối 6, thị trấn B cả 02 thấy quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị S không có người trông coi nên H dừng xe ở ngoài đường để H4 đi vào. Vào quán H quan sát thấy không có ai nên quay ra cửa quán thông báo để H cảnh giới và chuẩn bị sẵn xe. Sau đó H4 tiếp tục quay vào trong và bê 04 thùng bia nhãn hiệu Heineken (mỗi thùng 24lon loại 330ml) của quán chạy ra chỗ H chờ sẵn, sau đó H chở H4 mang 04 thùng bia đến bán cho cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị T ở xóm 2, xã K được 1.350.000 đồng nhưng do thiếu tiền nên chị T trả trước 700.000 đồng. Trên đường về H4 đưa cho H 30.000 đồng đồ xăng, sau đó số tiền còn lại H4 đưa cho H5, dù biết là tiền có được là do trộm cắp nhưng H5 vẫn nhận và sử dụng để trả tiền chơi game, tiền ăn cho cả nhóm. Trong lúc ăn tối do biết sẽ không đủ để trả tiền ăn nên H4 và H bàn bạc với nhau tiếp tục đến quán của bà S trộm cắp bia. Trước khi đi H4 nói với B ý định trên thì B đồng ý. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến quán của bà S, H đứng ở ngoài còn H4 đi vào trong quán, thấy quán không có ai nên H4 đi đến quầy thanh toán mở ngăn kéo lấy số tiền 2.010.000 đồng sau đó tiến đến bê 02 thùng bia nhãn hiệu Heineken chạy ra chỗ H. Lúc này bà S ở trong nhà quan sát thấy nên chạy ra chỉ hô nhưng H điều khiển xe bỏ chạy. Sau khi lấy được tài sản, cả 02 mang đến quán tạp hóa của bà Lê Thị H3 ở xóm 3, xã K bán được 500.000 đồng rồi đi về. Đối với số tiền 2.010.000 đồng trộm cắp H4 không nói cho H biết. Khi về quán ăn H4 đưa 500.000 đồng tiền bán bia và 2.010.000 đồng trộm cắp được đưa cho H5 để H5 thanh toán tiền ăn, lúc nhận tiền H5 biết đây là số tiền do trộm cắp được, sau đó cả nhóm tiếp tục đi chơi game. Buổi trưa ngày 02/11/2020, H4 và H5 đến quán nhà chị T lấy 650.000đ còn lại. Sau khi bị mất tài sản, bà Nguyễn Thị S đã có đơn trình báo đến Cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 65/HĐĐG cùng ngày 25/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 06 thùng bia Heineken loại 24lon (330ml) có giá 2.418.000 đồng.

Quá trình điều tra, Vy Văn B và Đỗ Văn H đã thành khẩn khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Cáo trạng số 43/CT – VKS - KS ngày 27 tháng 04 năm 2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Vy Văn B và Đỗ Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vy Văn B và Đỗ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Vy Văn B.

Xử phạt bị cáo Vy Văn B từ 09 (*chín*) tháng đến 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (*mười tám*) tháng đến 24 (*hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Vy Văn B cho UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trương hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Văn H.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (*mười hai*) tháng đến 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Đỗ Văn H cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trương hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo Vy Văn B có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị H3 số tiền 500.000đ.

Bị cáo Đỗ Văn H có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 700.000đ. Được trừ đi 300.000đ bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001097 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Thi hành án huyện K. Bị cáo Đỗ Văn H còn phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T 400.000đ.

-Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự : Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô BKS 35F2 – 4247

nhãn hiệu Suzuki, màu sơn xanh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Đỗ Văn H do liên quan đến việc phạm tội.

- Về án phí: Bị cáo Vy Văn B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đỗ Văn H được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng hộ cận nghèo.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn H có quan điểm: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, hành vi phạm tội trộm cắp tài sản như lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn chính xác, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với vật chứng thu giữ cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên không có điều kiện học hành đầy đủ. Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo Đỗ Văn H hình phạt cải tạo tại địa phương và với mức hình phạt nhẹ nhất. Như vậy cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo như nội dung bản cáo trạng, các bị cáo khai: Các bị cáo cùng với Trần Văn H4 và Nguyễn Thị H5 cùng hội nhóm chơi game, do không có tiền tiêu sai nên buổi chiều ngày 01/11/2020 H4 đã rủ B đi trộm cắp tài sản ở các cửa hàng tạp hóa lấy tiền tiêu. B đã rủ H mang xe đi để cùng trộm cắp tài sản. Cả bọn thống nhất H4 và H đi trộm cắp tài sản còn B ở lại quán game chờ H và H4. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô chở H4 đến quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị S. H cảnh giới và chuẩn bị sẵn xe còn H4 vào trong quán bê 04 thùng bia nhãn hiệu Heineken bán cho cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị T ở xóm 2, xã K được 1.350.000 đồng nhưng chị T trả trước 700.000 đồng. Do không đủ tiền ăn đêm cho cả nhóm khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, H4 và H tiếp tục quay lại quán của bà S để lấy trộm tài sản, H đứng ở ngoài còn H4 đi vào trong quán, thấy quán không có ai nên H4 tiếp tục bê 02 thùng bia nhãn hiệu Heineken mang đến quán tạp hóa của bà Lê Thị H3 ở xóm 3, xã K bán được 500.000 đồng. Số tiền do trộm cắp mà có H4 đã đưa cho H5 chi tiêu ăn uống và chơi game của cả nhóm H, H4, B, H5.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Trong

khoảng thời gian từ 18 giờ 30 phút đến 20 giờ 30 phút ngày 01/11/2020 tại khối 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản của chủ sở hữu, Đỗ Văn H đã có hành vi lén lút lấy đi 06 thùng bia nhãn hiệu Heineken mỗi thùng 24lon loại 330ml của bà Nguyễn Thị S có giá trị là 2.418.000 đồng. Vy Văn B có hành vi bàn bạc, rủ rê, thống nhất cùng với Trần Văn H4 và Đỗ Văn H thực hiện việc trộm cắp bia với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.418.000 đồng.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Việc Vy Văn B và Đỗ Văn H đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, các bị cáo đã lén lút để lấy trộm tài sản của bị hại. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội Trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

... ”

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo H, B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ việc mình trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Văn H đã tự nguyện nộp 300.000đ để thi hành án về vấn đề bồi thường dân sự, bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo. Do vậy bị cáo Đỗ Văn H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân và vị trí, vai trò của các bị cáo:

Đối với bị cáo Vy Văn B sau khi được H4 rủ đi trộm cắp tài sản thì đồng ý và chủ động liên lạc rủ Đỗ Văn H cùng tham gia trộm cắp tài sản. Bị cáo không trực tiếp trộm cắp tài sản nhưng đã bàn bạc với H và H4 trong cả hai lần trộm cắp tài sản và

được hưởng lợi từ số tiền mà H4 và H lấy trộm được. trong vụ án này bị cáo đóng vai trò là người rủ rê Đỗ Văn H cùng phạm tội. Như vậy bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo.

Về phía bị cáo Đỗ Văn H khi được B rủ rê đi trộm cắp tài sản đã không can ngăn mà còn tham gia với vai trò tích cực thể hiện ở việc bị cáo sử dụng xe của mình chở H4 đi hai lần trộm cắp tài sản là các thùng bia của bà S, quá trình H4 vào lấy trộm bia thì bị cáo đứng ngoài trông coi, cảnh giới cho H4 vào lấy tài sản. Như vậy bị cáo H giữ vai trò là người giúp sức tích cực cho H4 trong việc trộm tài sản. Khi áp dụng hình phạt thì vai trò của H là thấp hơn B trong vụ án. Nhưng cũng cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, giá trị các bị cáo trộm cắp không lớn, tuổi đời các bị cáo còn trẻ và đang trong độ tuổi học tập, lao động. Phạm tội vì mải chơi. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ điều 36 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Khấu trừ thu nhập 5% hàng tháng của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trong vụ án này còn có Trần Văn H4 đã trực tiếp cùng với H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nguyễn Thị H5 biết được các bị cáo trộm cắp và bán lấy tiền để chi tiêu cho cả nhóm. H5 là người trực tiếp cầm tiền và chi tiêu số tiền do các bị cáo trộm cắp mà có. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Trần Văn H4 và Nguyễn Thị H5 đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 24/02/2021 Cơ quan CSĐT – Công an huyện K ra quyết định truy nã đối với H4 và H5, ngày 08/4/2021 ra Quyết định Tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can và Quyết định Tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Trần Văn H4 và Nguyễn Thị H5. Sau này sẽ xử lý trong một vụ án khác.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 06 thùng bia nhãn hiệu Heineken, mỗi thùng 24 lon loại 330ml mà các bị cáo đã lấy trộm của Bà S, hiện đã được thu hồi và trả lại cho bà S. Bà S đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào nữa. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu hai bị cáo B và H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị số tiền 700.000đ tiền bia. và bà Lê Thị H3 yêu cầu hai bị cáo B và H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị số tiền 500.000đ mà chị đã bỏ ra mua hai thùng bia. Tại phiên tòa các bị cáo thống nhất bị cáo B có nghĩa vụ bồi thường cho chị Lê Thị H3 là 500.000đ. Bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T 700.000đ.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự: Bị cáo Vy Văn B có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị H3 số

tiền 500.000đ. Bị cáo Đỗ Văn H có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 700.000đ

Tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001097 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Thi hành án huyện K, bị cáo Đỗ Văn H đã tự nguyện nộp 300.000đ để tự nguyện bồi thường cho chị T. Như vậy bị cáo Đỗ Văn H sẽ còn phải bồi thường tiếp cho chị T số tiền là 400.000đ.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án và các biện pháp tư pháp: Chiếc xe mô tô BKS 35F2 – 4247 nhãn hiệu Suzuki, màu sơn xanh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Đỗ Văn H. Bị cáo H sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Đây là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Do vậy nay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

[9] Về án phí: Bị cáo Vy Văn B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, Miễn án phí cho bị cáo Đỗ Văn H vì thuộc đối tượng hộ cận nghèo theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vy Văn B và Đỗ Văn H (tên gọi khác: Đỗ Văn H2) phạm tội: Trộm cắp tài sản

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vy Văn B.

Xử phạt bị cáo Vy Văn B 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Vy Văn B cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn H.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Đỗ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Vy Văn B có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị H3 số tiền 500.000đ.

Buộc bị cáo Đỗ Văn H có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 700.000đ. Được trừ đi 300.000đ bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001097 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Thi hành án huyện K. Bị cáo Đỗ Văn H còn phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T 400.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 375 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình: Tịch thu sung ngân sách nhà nước Chiếc xe mô tô BKS 35F2 – 4247 nhãn hiệu Suzuki, màu sơn xanh.

(*Chi tiết vật chứng có đặc giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình*).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Vy Văn B phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đỗ Văn H vì thuộc đối tượng hộ cận nghèo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/05/2021). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Công an huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Bị cáo.
- Bị hại,
- UBND xã V, huyện K.
- UBND xã K, huyện K.
- Người có QLNVLQ đến vụ án.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh